

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 20 – 7 – 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt.

2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số X, đường L, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Việt T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh T, tỉnh S (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng giám đốc “Về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”) (Có mặt).

Địa chỉ hiện nay: Khu hành chính, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Lý Văn K, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Hồng Thị L, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

2/Ông Lý Hoàng D (Vắng mặt).

3/Ông Lý Hồng P (Vắng mặt).

4/Ông Lý Thường K1 (Vắng mặt).

5//Ông Lý Hải B (Vắng mặt).

6//Ông Lý Văn B1 (Vắng mặt).

7//Ông Lý Văn K (Vắng mặt).

8/Bà Lý Hồng K2 (Vắng mặt).

9//Ông Lý Văn T2 (Vắng mặt).

Cùng ngụ ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

10/ Bà Lê Thị C, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

11/ Ông Trần Văn Út N, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023) (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng N trình bày:

Ngày 03/08/2011, ông Lý Văn K với Ngân hàng, hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng số 6005/HĐTD, hạn mức tín dụng đã ký là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Sau đó, hai bên ký tiếp các phụ lục của hợp đồng tín dụng để nâng hạn mức cấp tín dụng. Mức dư nợ mà ông Lý Văn K đã nhận tại hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.100.000.000đ (Một tỉ một trăm triệu đồng).

Ông Lý Văn K và Ngân hàng đã thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD ngày 15/10/2012. Hai bên thống nhất rằng toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 6005/HĐTD được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD. Cụ thể, tại Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD đã ký ngày 15/10/2012:

- Số tiền cho vay: 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng).
- Tổng mức dư nợ đã nhận: 1.190.000.000 đồng (Một tỉ một trăm chín mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Chi phí khai thác hải sản.
- Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 15/10/2012 đến ngày 15/10/2013.

- Lãi suất nợ trong hạn: Theo từng giấy nhận nợ.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Thời gian trả nợ gốc:

1. Giấy nhận nợ ngày 14/10/2011.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 14/10/2011 đến 14/08/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 16/06/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 30.000.000 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 11.928.194 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 20.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 8.413.333 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 19.792.292 đồng.

2. Giấy nhận nợ ngày 19/10/2011.

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 19/10/2011 đến 19/08/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 19/06/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 7.520.834 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 30.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 8.444.583 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 20.485.042 đồng.

3. Giấy nhận nợ ngày 21/10/2011.

- Số tiền vay: 125.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 21/10/2011 đến 21/08/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 21/06/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 31.208.333 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 125.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 35.359.375 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 85.093.924 đồng.

4. Giấy nhận nợ ngày 21/10/2011.

- Số tiền vay: 45.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 21/10/2011 đến 21/08/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 21/06/2015.

- Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.
- Số tiền bên vay đã trả lãi: 11.235.000 đồng.
- Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 45.000.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 12.729.375 đồng.
- Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 30.633.813 đồng.

5. Giấy nhận nợ ngày 08/11/2011.

- Số tiền vay: 350.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 08/11/2011 đến 08/9/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 08/7/2015.

- Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.
- Số tiền bên vay đã trả lãi: 84.145.833 đồng.
- Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 350.000.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 100.677.500 đồng.
- Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 236.044.861 đồng.

6. Giấy nhận nợ ngày 15/12/2011.

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 18,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 27,75%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 15/12/2011 đến 15/10/2012.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 15/8/2015.

- Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.
- Số tiền bên vay đã trả lãi: 22.140.278 đồng.
- Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 100.000.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 28.985.000 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 67.221.389 đồng.

7. Giấy nhận nợ ngày 19/03/2012.

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 17,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 26,25%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 19/03/2012 đến 19/1/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 3 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 15/11/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 22.140.278 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 100.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 31.295.000 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 64.911.389 đồng.

8. Giấy nhận nợ ngày 15/06/2012.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 15%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 22,5%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 15/06/2012 đến 15/4/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 2 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 15/4/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 5.775.000 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 50.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 12.945.833 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 35.834.445 đồng.

9. Giấy nhận nợ ngày 19/06/2012.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 15%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 22,5%/năm.
- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.
- Thời hạn vay: 19/06/2012 đến 19/4/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 2 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 22/4/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 3.291.666 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 50.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 12.309.028 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 38.810.486 đồng.

10. Giấy nhận nợ ngày 20/06/2012.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 15%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 22,5%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 20/06/2012 đến 20/4/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 2 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 22/4/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 3.708.333 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 50.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 12.309.028 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 38.372.986 đồng.

11. Giấy nhận nợ ngày 26/10/2012.

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 13,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 20,25%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 26/10/2012 đến 26/8/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 2 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 26/8/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 0 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 100.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 36.120.833 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 66.093.889 đồng.

12. Giấy nhận nợ ngày 09/01/2013.

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 13%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 19,5%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 09/01/2013 đến 09/11/2013.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, số lần đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi là 2 lần nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 10/11/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 0 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 30.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 9.922.083 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 19.828.167 đồng.

13. Giấy nhận nợ ngày 18/6/2013.

- Số tiền vay: 80.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 16,5%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 18/6/2013 đến 18/4/2014.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 18/4/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 0 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 80.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 18.638.889 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 57.126.778 đồng.

14. Giấy nhận nợ ngày 26/6/2013.

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 16,5%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: theo tháng.

- Thời hạn vay: 26/6/2013 đến 26/4/2014.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 26/4/2015.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 0 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 30.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 7.052.083 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 21.203.792 đồng.

- Thời gian trả lãi: theo tháng.

Tổng cộng 14 lần giải ngân lại:

- Số tiền gốc bên vay chưa trả: 1.160.000.000 đồng .

- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 342.201.111 đồng.

- Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 1.189.211.751 đồng. (Tạm tính đến ngày 20/7/2023).

Tổng số tiền gốc, lãi mà bên vay chưa trả là: 2.691.412.862 đồng (Hai tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu, bốn trăm mười hai nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bên vay và người có quyền, nghĩa vụ liên quan thống nhất dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng tại các Hợp đồng thế chấp tài sản số 6000/HĐTC ngày 2/8/2011; 6687/HĐTC ngày 19/11/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1174/HĐTC ngày 9/3/2012; 6863/HĐTC ngày 16/9/2011 (Theo điều 4 tại hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD đã ký ngày 15/10/2012, bên vay tiếp tục sử dụng các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD).

Cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 819333, số vào sổ CH00466, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/9/2011 cho ông Lý Văn K. Thửa đất số 16; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 111 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

2. Quyền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 931746, số vào sổ CH00610, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/2/2012 cho ông Lý Văn C và bà Hồng Thị L. Thửa đất số 32; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 165,7 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

3. Tàu cá số 0766 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh S cấp ngày 16/11/2012 cho ông Lý Văn K.

4. Tàu cá số 00117/11 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh S cấp ngày 28/7/2011 cho ông Lý Văn K.

Tuy nhiên, đến ngày 09/11/2012, ông Lý Văn C đã chết. Trong 03 lần nhận tiền vay sau cùng thì ông Lý Văn C đã chết.

Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lý Văn K phải trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD ngày 15/10/2012, tạm tính đến ngày 20/7/2023 như sau:

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi: 2.691.412.862 đồng. Trong đó nợ gốc 1.160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 342.201.111 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.189.211.751 đồng.

2. Buộc ông Lý Văn K thanh toán toàn bộ các khoản lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ kể từ ngày 31/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

3. Trường hợp ông Lý Văn K không có khả năng trả nợ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ khi bản án có hiệu lực pháp luật thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng N thu hồi nợ. Riêng đối với hai tàu cá thì do ông K trình bày hiện nay không còn nên Ngân hàng tạm thời không yêu cầu xử lý. Nếu trong quá

trình xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu xử lý tiếp những phần tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông K theo luật định.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn ông Lý Văn K trình bày:

Ông Lý Văn K đồng ý trả nợ cho Ngân hàng và đồng ý giao tài sản đã thế chấp để phát mãi thanh toán nợ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị C trình bày:

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 9, diện tích: 111 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S ông K chuyển nhượng cho bà C nhưng sau đó phát hiện thửa đất này đang thế chấp Ngân hàng. Vụ việc đã được Tòa án giải quyết. Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu buộc bà C trả lại thửa đất có gắn liền căn nhà cho ông K còn ông K phải trả lại cho bà C số tiền 50 chỉ vàng 24K và 76.217.800đ. Việc giao nhận diễn ra cùng một thời điểm. Do ông K chưa có tiền và vàng trả nên hiện nay bà C vẫn còn đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hồng Thị L, ông Lý Hoàng D, ông Lý Hồng P, ông Lý Thường K1, ông Lý Hải B, ông Lý Văn B1, ông Lý Văn K, bà Lý Hồng K2, ông Lý Văn T2 không có lời trình bày do vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Lý Văn K thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N chi nhánh Trần Đề** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lý Văn K trả cho **Ngân hàng** tổng số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa,

đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc vắng mặt các đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết của vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 03/08/2011, ông Lý Văn K với Ngân hàng N, ký Hợp đồng tín dụng số 6005/HĐTD. Sau đó, hai bên ký tiếp các phụ lục của hợp đồng tín dụng để nâng hạn mức cấp tín dụng. Mức dư nợ mà ông Lý Văn K đã nhận tại hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.100.000.000đ (Một tỉ một trăm triệu đồng). Tiếp tục ông Lý Văn K và Ngân hàng chi nhánh T đã thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD ngày 15/10/2012. Hai bên thống nhất rằng toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 6005/HĐTD được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD. Cụ thể, tại Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD đã ký ngày 15/10/2012:

- Số tiền cho vay: 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng).
- Tổng mức dư nợ đã nhận: 1.190.000.000 đồng (Một tỉ một trăm chín mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Chi phí khai thác hải sản.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông Lý Văn K, ông Lý Văn Chính và bà Hồng Thị Lượng đã thế chấp cho Ngân hàng tại các Hợp đồng thế chấp tài sản số 6000/HĐTC ngày 2/8/2011; 6687/HĐTC ngày 19/11/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1174/HĐTC ngày 9/3/2012; 6863/HĐTC ngày 16/9/2011 (Theo điều 4 tại hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD đã ký ngày 15/10/2012, bên vay tiếp tục sử dụng các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD).

Xét về Hợp đồng tín dụng số 6005/HĐTD ngày 03/08/2011 và Hợp đồng tín dụng số 6475/HĐTD ngày 15/10/2012 giữa **Ngân hàng N chi nhánh T** với ông Lý Văn K là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng** với ông K là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lý Văn K đã không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay số nợ đã quá hạn mà vẫn chưa thanh toán. Việc ông K không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm các quy định tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó **Ngân hàng N** ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh tại T khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 20/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

2.691.412.862 đồng. Trong đó nợ gốc 1.160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 342.201.111 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.189.211.751 đồng là có căn cứ.

Về xử lý tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 819333, số vào sổ CH00466, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/9/2011 cho ông Lý Văn K. Thửa đất số 16; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 111 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Quyền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 931746, số vào sổ CH00610, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/2/2012 cho ông Lý Văn C và bà Hồng Thị L. Thửa đất số 32; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 165,7 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

Trong trường hợp ông K không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

[3] Đối với vợ chồng bà Lê Thị C, ông Trần Văn Út N là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 9, diện tích: 111 m², loại đất ở tại đô thị có gắn liền căn nhà cấp 4. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Phần tài sản này đã được ông K thế chấp tại Ngân hàng do đó thuộc diện tài sản bị xử lý để thu hồi nợ trong trường hợp ông K không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng. Còn vụ việc tranh chấp giữa vợ chồng bà C, ông N với ông Lý Văn K đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 14/2015/DS-ST ngày 08/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S. Trong trường hợp ông K không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp (Vợ chồng ông N, bà C có nghĩa vụ giao trả thửa đất có gắn liền căn nhà nêu trên cho cơ quan thi hành án để hóa giá phát mãi theo luật định).

[4] Đối với ông Lý Hoàng D, ông Lý Hồng P, ông Lý Thường K1, ông Lý Hải B, ông Lý Văn B1, bà Lý Hồng K2, ông Lý Văn T2 Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Lý Văn C đã chết vào năm 2012.

[5] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Lý Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền vốn và lãi là: 2.691.412.862đ (Hai tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu, bốn trăm mười hai nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 1.160.000.000 (Một tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 342.201.111đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm lẻ một nghìn, một trăm mười một đồng) và nợ lãi quá hạn: 1.189.211.751đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, hai trăm mười một nghìn, bảy trăm năm mươi một đồng) (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) ông Lý Văn K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Lý Văn K không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp:

- Thửa đất số 16; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 111 m², loại đất ở tại đô thị có gắn liền căn nhà cấp 4. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Bà Lê Thị C, ông Trần Văn Út N đang quản lý, sử dụng. (Trong trường hợp này vợ chồng bà C, ông N có nghĩa vụ giao trả thửa đất gắn liền căn nhà cho cơ quan thi hành án để tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo luật định).

- Thửa đất số 32; tờ bản đồ số 9; Diện tích: 165,7 m², loại đất ở tại đô thị. Tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Ông Lý Văn K đang quản lý, sử dụng.

- Đối với hai tàu cá hiện nay không còn nên đại diện Ngân hàng không yêu cầu xử lý. Nếu trong quá trình xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu xử lý tiếp những phần tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông K theo luật định. Do đó không cần đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp:

- Ngân hàng N không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

- Ông Lý Văn K phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này ông K có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

4/ Về án phí:

- Ông Lý Văn K phải nộp 85.828.257đ (Tám mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải nộp án phí sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại 38.966.552đ (Ba mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007900 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng